

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 39

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung được cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 01 năm 2020. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Minh
Ông Phan Văn Thành
Ông Phạm Xuân Thành
Ông Dương Chí Bình
Ông Nguyễn Hải Thanh
Ông Lê Vũ Thành
Bà Nguyễn Thị Hải

Chức vụ

Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01/01/2020)
Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01/01/2020)
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Văn Thành
Ông Phạm Xuân Thành
Ông Dương Chí Bình

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm các vị như sau:

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Thu Hương
Ông Nguyễn Đức Hồng
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Dương

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này gồm có:

Ông Nguyễn Văn Minh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật từ ngày 01/01/2019 đến ngày 21/01/2020.

Ông Phan Văn Thành - Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật từ ngày 22/01/2020 đến nay.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Quảng Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2020

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Văn Thành

Số: 47/2020/BCKT-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình được lập ngày 30 tháng 03 năm 2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 39 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017, Công ty đã thực hiện phân bổ chi phí sản xuất chung và chi phí quản lý doanh nghiệp cho hoạt động xây dựng cơ bản với giá trị lần lượt là 1.308.842.582 đồng và 634.384.035 đồng. Theo đó, Khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" (mã số 242) và Khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 đang bị phản ánh cao hơn với số tiền là 1.943.226.617 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện trích đầy đủ khấu hao tài sản cố định hữu hình vào chi phí sản xuất kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017. Theo đó, giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2019 đang bị phản ánh thiếu với số tiền là 444.916.316 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đang được phản ánh cao hơn với số tiền tương ứng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty đang bị âm với số tiền 3.346.303.282 đồng (số dư quỹ khen thưởng phúc lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là âm 3.276.605.146 đồng). Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Công ty đang ghi nhận giá trị khoản mục vốn góp của chủ sở hữu (mã số 411) vào thời điểm bắt đầu hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần là 170.817.912.550 đồng. Trong khi đó, vốn điều lệ trên đăng ký doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa được phê duyệt là 185.723.720.000 đồng. Số tiền chênh lệch 14.905.807.450 đồng là do năm 2016 Công ty thực hiện bàn giao tài sản là hệ thống nhà trẻ và đường giao thông cho chính quyền địa phương quản lý theo Quyết định số 3015/QĐ-UBND ngày 30/09/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên tới thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa nhận được Quyết định về việc giảm vốn Nhà nước, đồng thời biên bản xác định vốn Nhà nước giữa Nhà nước và Công ty chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tại thuyết minh số 5.14 - Phải trả khác. Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đang nợ Bảo hiểm xã hội với số tiền là 13.409.076.280 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 22.512.202.190 đồng). Khoản nợ này phát sinh liên tục từ năm 2015 đến năm 2018. Vấn đề này không ảnh hưởng tới ý kiến toán ngoại trừ của chúng tôi.

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh 2.2 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản ngắn hạn của Công ty là 22.623.539.897 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty là 85.257.100.305 đồng, theo đó nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 62.633.560.408 đồng. Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 9.190.770.386 đồng. Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 570, đây là dấu hiệu cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng 01 năm tới. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào Ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành
nghề kiểm toán số 1022-2018-242-1

Trần Hồng Giang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3893-2017-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.623.539.897	42.399.569.716
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	955.728.443	17.982.680.538
Tiền	111		955.728.443	17.982.680.538
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.299.957.290	10.443.964.221
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	1.709.928.994	1.485.486.418
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		106.337.120	299.727.120
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	8.772.946.300	9.494.197.023
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(1.289.255.124)	(835.446.340)
Hàng tồn kho	140	5.5	12.289.137.304	13.950.835.092
Hàng tồn kho	141		12.330.644.719	13.950.835.092
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(41.507.415)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		78.716.860	22.089.865
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	474.999
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	78.716.860	21.614.866
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		221.717.757.190	247.293.984.957
Tài sản cố định	220		72.992.100.036	85.586.314.869
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	72.992.100.036	85.586.314.869
- Nguyên giá	222		173.600.296.347	205.489.474.128
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.608.196.311)	(119.903.159.259)
Tài sản dở dang dài hạn	240		65.717.886.059	78.672.382.929
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	65.717.886.059	78.672.382.929
Đầu tư tài chính dài hạn	250		81.840.000.000	81.840.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.8	81.840.000.000	81.840.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.167.771.095	1.195.287.159
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.167.771.095	1.195.287.159
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		244.341.297.087	289.693.554.673

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		88.533.807.275	136.649.552.224
Nợ ngắn hạn	310		85.257.100.305	130.298.140.873
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	13.899.381.700	12.236.375.137
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	3.557.965.876	4.233.424.830
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	233.732.822	1.346.041.513
Phải trả người lao động	314		5.510.142.583	8.022.859.830
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	156.828.105	249.743.563
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	19.896.915.443	47.172.030.697
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	45.348.437.058	60.314.270.449
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(3.346.303.282)	(3.276.605.146)
Nợ dài hạn	330		3.276.706.970	6.351.411.351
Phải trả dài hạn khác	337	5.14	292.000.000	292.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	2.984.706.970	6.059.411.351
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		155.807.489.812	153.044.002.449
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	155.127.489.812	152.364.002.449
Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.817.912.550	170.817.912.550
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.817.912.550	170.817.912.550
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(15.690.422.738)	(18.453.910.101)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(18.453.910.101)	(19.294.600.965)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.763.487.363	840.690.864
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		680.000.000	680.000.000
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		680.000.000	680.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		244.341.297.087	289.693.554.673

Quảng Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG





Phan Hữu Bằng

Nguyễn Hải Thanh

Phan Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	36.866.908.650	32.237.092.538
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		36.866.908.650	32.237.092.538
Giá vốn hàng bán	11	6.2	36.232.720.327	26.477.601.036
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		634.188.323	5.759.491.502
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.716.767.734	5.418.828.147
Chi phí tài chính	22	6.4	5.296.981.215	5.457.845.147
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.773.792.503	4.609.100.373
Chi phí bán hàng	25	6.5	819.060.002	575.895.842
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	15.006.907.681	11.806.628.009
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12.771.992.841)	(6.662.049.349)
Thu nhập khác	31	6.6	17.737.387.350	7.940.608.378
Chi phí khác	32	6.7	2.197.008.125	437.868.165
Lợi nhuận khác	40		15.540.379.225	7.502.740.213
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.768.386.384	840.690.864
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	4.899.021	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.763.487.363	840.690.864
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	149	45
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	149	45

Quảng Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





Phan Hữu Bằng

Nguyễn Hải Thanh

Phan Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.768.386.384	840.690.864
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	7.287.337.040	7.994.214.229
Các khoản dự phòng	03	495.316.199	835.446.340
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(20.243.450.660)	(5.480.288.090)
Chi phí lãi vay	06	4.773.792.503	4.609.100.373
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	(4.918.618.534)	8.799.163.716
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	30.762.923.720	(4.636.484.062)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	1.661.697.788	(4.955.607.811)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(31.782.984.306)	(10.875.805.512)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	27.516.064	(674.145.373)
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.866.707.961)	(4.508.396.573)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.899.021)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	28.599.433.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(69.698.136)	(32.083.033.179)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.190.770.386)	(20.334.875.794)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.983.094.597)	(14.501.921.315)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	12.526.682.926	763.818.227
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.660.767.734	5.418.828.147
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.204.356.063	(8.319.274.941)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	116.046.910.950	72.455.753.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(134.087.448.722)	(75.135.599.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.040.537.772)	(2.679.846.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(17.026.952.095)	(31.333.997.335)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	17.982.680.538	49.316.677.873
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	955.728.443	17.982.680.538

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quảng Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





Phan Hữu Bằng

Nguyễn Hải Thanh

Phan Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung được cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 01 năm 2020. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 185.723.720.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm tỷ, bảy trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).

Vốn điều lệ trên đăng ký doanh nghiệp đang cao hơn so với số dư vốn góp của chủ sở hữu (170.817.912.550 đồng) do trong năm 2016 Công ty thực hiện bàn giao tài sản lại cho chính quyền địa phương theo QĐ số 3015/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình ngày 30/09/2016 V/v: Điều chuyển hệ thống nhà trẻ, đường giao thông của Công ty TNHH MTV Việt Trung để bàn giao địa phương quản lý: 14.905.807.450 đồng. Tuy nhiên tới thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa nhận được Quyết định về việc giảm vốn nhà nước sau khi cổ phần hóa. Công ty cũng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa đến thời điểm lập báo cáo này.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Trồng cây cao su: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ mủ cao su;
- Chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch;

Tổng số cán bộ công nhân viên tại Ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 460 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 535 người).

Báo cáo tài chính này được tổng hợp số liệu từ văn phòng Công ty và 01 chi nhánh phụ thuộc. Mọi giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn trên báo cáo này

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Đơn vị	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính	Địa chỉ
Hạch toán phụ thuộc				
Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Phú Quý			Chế biến gỗ	Tp. Đồng Hới, Quảng Bình
Công ty liên doanh liên kết				
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình	27,28%	27,28%	Chăn nuôi bò	Huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.2 Giả định về tính hoạt động liên tục

Tại Ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản ngắn hạn của Công ty là 22.623.539.897 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty là 85.257.100.305 đồng, theo đó nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 62.633.560.408 đồng, ngoài ra lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 9.190.770.386 đồng. Tuy nhiên năm 2020, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng 01 năm tới. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho mục đích công bố thông tin.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	06 - 40 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05 năm

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;

Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính kết thúc, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính kết thúc. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng;
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận;
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng;
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi;

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 5% đối với thành phẩm mủ cao su và 10% đối với sản phẩm về gỗ.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng năm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.18 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt (i)	128.595.914	388.978.485
Tiền gửi ngân hàng (ii)	827.132.529	17.593.702.053
Cộng	955.728.443	17.982.680.538

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2019 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		128.595.914
Cộng		128.595.914

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2019 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		827.132.529
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Quảng Bình		674.611.442
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Quảng Bình		141.923.912
Ngân hàng khác		10.597.175
Ngoại tệ	-	-
Cộng		827.132.529

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần TAMICO	420.019.000	11.000.000
Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng Quảng Bình	66.013.000	381.750.000
Công ty TNHH Tân Minh	225.638.460	101.077.425
Công ty TNHH Thương mại Hiệp Hợp	201.410.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Quảng Bình	196.166.600	-
Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	600.681.934	991.658.993
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.709.928.994	1.485.486.418

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.3 Phải thu khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.772.946.300	9.494.197.023
Tạm ứng	281.354.892	236.274.397
Phải thu khác	8.491.591.408	9.257.922.626
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu người lao động</i>	<i>1.805.037.688</i>	<i>2.912.955.342</i>
<i>Phải thu cổ tức lợi nhuận được chia</i>	<i>5.456.000.000</i>	<i>4.400.000.000</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.230.553.720</i>	<i>1.944.967.284</i>
b) Dài hạn	-	-
Cộng	8.772.946.300	9.494.197.023
Trong đó phải thu khác là bên liên quan (Xem thuyết minh 8.3)	5.456.000.000	4.486.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

5.4 Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	1.737.585.209	448.330.085	1.289.255.124	1.638.376.029	802.929.689	835.446.340
Từ 1 đến 2 năm	893.982.311	448.330.085	445.652.226	802.929.689	802.929.689	-
Nguyễn Thị Phương	65.969.581	32.984.790	32.984.791	65.969.581	65.969.581	-
Phan Thị Vân	60.877.129	30.438.565	30.438.564	60.877.129	60.877.129	-
Đối tượng khác	767.135.601	384.906.730	382.228.871	676.082.979	676.082.979	-
Trên 3 năm	843.602.898	-	843.602.898	835.446.340	-	835.446.340
Trần Hữu Thọ	16.833.300	-	16.833.300	16.833.300	-	16.833.300
Hoàng Thị Hương	20.992.400	-	20.992.400	20.992.400	-	20.992.400
Nguyễn Thị Xuân	22.495.400	-	22.495.400	22.495.400	-	22.495.400
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Cao Nguyên	115.015.000	-	115.015.000	115.015.000	-	115.015.000
Đối tượng khác	668.266.798	-	668.266.798	660.110.240	-	660.110.240
Cộng	1.737.585.209	448.330.085	1.289.255.124	1.638.376.029	802.929.689	835.446.340

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nguyên liệu, vật liệu	1.232.615.803	-	-	1.507.750.207	-
Công cụ, dụng cụ	168.386.369	-	-	309.927.430	-
Chi phí SXKD dở dang	10.502.533.891	-	-	11.400.358.310	-
Thành phẩm	404.396.839	41.507.415	41.507.415	710.087.328	-
Hàng hóa	22.711.817	-	-	22.711.817	-
Cộng	12.330.644.719	41.507.415	41.507.415	13.950.835.092	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Cây lâu năm súc vật làm việc cho sản phẩm		Tài sản cố định hữu hình khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ														
Số dư tại ngày 01/01/2019	154.969.461.760	16.834.136.882	5.643.998.308	1.952.742.737	25.170.819.962	918.314.479	205.489.474.128							
Mua trong năm	-	444.880.000	-	61.225.000	-	-	506.105.000							
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	22.644.059.008	657.818.182	23.301.877.190							
Thanh lý, nhượng bán	(53.530.112.948)	(1.219.328.240)	(476.516.526)	(241.225.410)	-	(229.976.847)	(55.697.159.971)							
Số dư tại ngày 31/12/2019	101.439.348.812	16.059.688.642	5.167.481.782	1.772.742.327	47.814.878.970	1.346.155.814	173.600.296.347							
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ														
Số dư tại ngày 01/01/2019	84.230.582.889	15.528.357.784	4.811.842.762	1.522.992.481	13.302.040.608	507.342.735	119.903.159.259							
Khấu hao trong năm	4.838.492.150	462.483.825	235.466.251	133.146.288	1.547.177.592	70.570.934	7.287.337.040							
Thanh lý, nhượng bán	(24.571.860.239)	(1.088.531.248)	(450.706.244)	(241.225.410)	-	(229.976.847)	(26.582.299.988)							
Số dư tại ngày 31/12/2019	64.497.214.800	14.902.310.361	4.596.602.769	1.414.913.359	14.849.218.200	347.936.822	100.608.196.311							
GIÁ TRỊ CÒN LẠI														
Số dư tại ngày 01/01/2019	70.738.878.871	1.305.779.098	832.155.546	429.750.256	11.868.779.354	410.971.744	85.586.314.869							
Số dư tại ngày 31/12/2019	36.942.134.012	1.157.378.281	570.879.013	357.828.968	32.965.660.770	998.218.992	72.992.100.036							

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định tại Ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.090.710.115 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.620.859.230 đồng).

Tại Ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 14.721.744.313 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 61.233.744.853 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Cao su trồng năm 2009	-	7.843.861.500
Cao su trồng năm 2010	-	10.784.380.178
Cao su trồng năm 2011	-	3.708.103.427
Cao su trồng năm 2012	7.408.103.821	6.696.511.449
Cao su trồng năm 2013	4.694.445.711	4.175.267.662
Cao su trồng năm 2014	25.110.468.403	23.318.806.021
Cao su trồng năm 2015	18.352.950.689	13.914.015.605
Cao su trồng năm 2016	5.066.310.550	6.450.115.842
Cao su trồng năm 2018	2.409.406.394	1.173.583.450
Khác	2.676.200.491	607.737.795
Cộng	65.717.886.059	78.672.382.929

5.8 Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình theo hợp đồng góp vốn ngày 12/01/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và Công ty TNHH MTV Việt Trung. Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản trên diện tích đất 614,44 ha tại các tiểu khu Hữu Nghị, Truyền Thống, Dũng Cầm, Sao Vàng có giá trị 81.840.000.000 đồng (Tám mươi một tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng chẵn). Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình được thành lập và hoạt động tại huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình cấp ngày 20 tháng 01 năm 2016, ngành nghề kinh doanh chính là chăn nuôi. Tại ngày 01/01/2019 và 31/12/2019 tỷ lệ sở hữu của Công ty là 27,28%, tỷ lệ kiểm soát là 27,28%. Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình, lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 78.651.812.365 đồng.

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
b) Chi phí trả trước dài hạn	1.167.771.095	1.195.287.159
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	191.517.018	312.280.064
Chi phí trả trước dài hạn khác	976.254.077	883.007.095
Cộng	1.167.771.095	1.195.287.159

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	13.899.381.700	12.236.375.137
Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp Quảng Bình	3.575.604.400	4.575.604.400
CN Quảng Bình Công ty Cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	3.861.334.400	2.872.334.400
Công ty TNHH Tân Hoàng Phương	600.358.000	800.358.000
Công ty TNHH DV Vận tải Tiến Đạt	534.484.995	952.847.628
Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Đức Thịnh	1.329.741.050	-
Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Cao su tiểu điền	965.011.000	-
Phải trả nhà cung cấp khác	3.032.847.855	3.035.230.709
b) Dài hạn	-	-
Cộng	13.899.381.700	12.236.375.137

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán.

5.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.557.965.876	4.233.424.830
Công ty TNHH Long Phú	382.800.000	1.500.000.000
Hoàng Quang Sầm	-	2.044.558.700
Công ty TNHH TMTH Trường Sinh	1.575.385.000	-
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Trường Sinh	1.370.458.700	-
Người mua khác	229.322.176	688.866.130
b) Dài hạn	-	-
Cộng	3.557.965.876	4.233.424.830

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.12 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	31/12/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp /bù trừ trong năm	01/01/2019
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	71.403.819	-	71.403.819	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.313.041	21.027.149	6.725.324	21.614.866
Cộng	78.716.860	21.027.149	78.129.143	21.614.866
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	109.459.171	6.813.486.538	6.735.995.586	31.968.219
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.899.021	4.899.021	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	885.459.318	2.082.728.446	1.197.269.128
Thuế bảo vệ môi trường	-	17.272.843	37.235.512	19.962.669
Phí, lệ phí và các khoản khác	124.273.651	95.027.807	67.595.653	96.841.497
Cộng	233.732.822	7.816.145.527	8.928.454.218	1.346.041.513

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Lãi vay phải trả	156.828.105	249.743.563
Cộng	156.828.105	249.743.563

5.14 Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	19.896.915.443	47.172.030.697
Kinh phí công đoàn	2.334.099.461	2.556.339.953
Bảo hiểm xã hội	13.409.076.280	22.512.202.190
Bảo hiểm y tế	95.705.401	82.720.796
Bảo hiểm thất nghiệp	42.304.100	36.659.992
Phải trả về cổ phần hoá	-	17.138.451.483
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.015.730.201	4.845.656.283
<u>Trong đó</u>		
- Phải nộp thanh tra tỉnh quảng bình	1.334.853.000	1.834.853.000
- Chi phí cưa cắt gỗ củi bảo số 10/2017	-	1.056.888.650
- Lãi chậm trả tiền hàng	1.946.194.688	1.540.510.979
Phải trả khác	734.682.513	413.403.654
b) Dài hạn	292.000.000	292.000.000
Kỳ quỹ ký cược	292.000.000	292.000.000
Cộng	20.188.915.443	47.464.030.697

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2019	Tăng	Giảm	01/01/2019
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {a}	16.798.672.263	38.915.998.856	31.117.326.593	9.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {b}	16.393.912.094	43.565.912.094	71.877.753.000	44.705.753.000
Vay cá nhân {c}	8.855.000.000	33.565.000.000	28.410.000.000	3.700.000.000
Cộng vay ngắn hạn	42.047.584.357	116.046.910.950	131.405.079.593	57.405.753.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem TM số V.15b)	3.300.852.701			2.908.517.449
Cộng	45.348.437.058			60.314.270.449

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay ngắn hạn.

{a} Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 869003150161/2018-HĐCVHM/NHCT400- VIETTRUNG ngày 17/01/2018 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 15 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay và lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là trụ sở Công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các đội Sao Vàng, Đoàn Kết, Chiến Thắng.

{b} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình bao gồm 16 hợp đồng cho vay theo món. Các hợp đồng vay có thời gian vay từ 9 tháng đến 11 tháng, lãi suất từ 8,65%/năm đến 8,95%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc ở khách sạn Phú Quý và phân xưởng tinh chế ở nhà máy chế biến gỗ Phú Quý.

{c} Các khoản vay ngắn hạn cá nhân theo các hợp đồng cho vay có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng lãi suất từ 9%/năm đến 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.15 Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	31/12/2019	Tăng	Giảm	01/01/2019
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {a}	6.285.559.671	-	2.682.369.129	8.967.928.800
Cộng vay dài hạn	6.285.559.671	-	2.682.369.129	8.967.928.800
Phân loại sang vay ngắn hạn	(3.300.852.701)			(2.908.517.449)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {a}	(3.300.852.701)			(2.908.517.449)
Cộng	2.984.706.970			6.059.411.351

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay dài hạn.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 338/2015-HĐTDDA/NHCT470-NT VIETTRUNG ngày 13/02/2015. Số tiền cam kết cho vay không vượt quá 13.900.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn ân hạn là 30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: đầu tư dự án chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản trồng từ năm 2009 - 2013, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là trụ sở Công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các đội Sao Vàng, Đoàn Kết, Chiến Thắng.

Các hợp đồng vay dài hạn ngân hàng được trả nợ theo kế hoạch:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Từ một năm trở xuống	3.300.852.701	2.908.517.449
Trên một năm đến 5 năm	2.984.706.970	6.059.411.351
Cộng	6.285.559.671	8.967.928.800
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	3.300.852.701	2.908.517.449
Số phải trả sau 12 tháng	2.984.706.970	6.059.411.351

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.16 Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2018	170.817.912.550	(19.294.600.965)	151.523.311.585
Lãi trong năm	-	840.690.864	840.690.864
Số dư tại ngày 01/01/2019	170.817.912.550	(18.453.910.101)	152.364.002.449
Lãi trong năm	-	2.763.487.363	2.763.487.363
Số dư tại ngày 31/12/2019	170.817.912.550	(15.690.422.738)	155.127.489.812

Chi tiết lợi nhuận chưa phân phối

	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Lỗ lũy kế trước cổ phần hóa	(17.138.451.483)
Lãi từ 01/10/2017-31/12/2019	1.448.028.745
Số dư tại ngày 31/12/2019	(15.690.422.738)

b) Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.572.372	18.572.372
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.572.372	18.572.372
- Cổ phiếu phổ thông	18.572.372	18.572.372
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.572.372	18.572.372
- Cổ phiếu phổ thông	18.572.372	18.572.372

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

Số lượng cổ phiếu được lấy theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.866.908.650	32.237.092.538
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	36.866.908.650	31.122.181.629
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.114.910.909
Cộng	36.866.908.650	32.237.092.538

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	36.191.212.912	24.374.501.312
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	2.103.099.724
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	41.507.415	-
Cộng	36.232.720.327	26.477.601.036

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.433.126	77.668.147
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.701.334.608	5.341.160.000
Cộng	7.716.767.734	5.418.828.147

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	4.773.792.503	4.609.100.373
Lãi chậm thanh toán tiền hàng	523.188.712	848.744.774
Cộng	5.296.981.215	5.457.845.147

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
a) Chi phí bán hàng		
Chi phí mua ngoài	597.800.002	512.815.842
Chi phí bằng tiền khác	221.260.000	63.080.000
Cộng	819.060.002	575.895.842
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí khấu hao	2.367.009.508	1.844.842.078
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	7.478.819.206	5.348.629.518
Thuế phí và lệ phí	555.187.031	528.524.037
Trích dự phòng phải thu khó đòi	453.808.784	835.446.340
Chi phí mua ngoài	651.631.999	1.271.051.936
Chi phí bằng tiền khác	3.500.451.153	1.978.134.100
Cộng	15.006.907.681	11.806.628.009

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền bồi hoàn độ phì của đất	828.345.500	6.911.965.310
Cho thuê nhà ở, văn phòng	195.700.000	430.880.000
Thu đền bù giải phóng mặt bằng	3.900.706.000	-
Bán thanh lý tài sản cố định	12.526.682.926	61.459.943
Thu nhập khác	285.952.924	536.303.125
Cộng	17.737.387.350	7.940.608.378

6.7 Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Phạt hành chính về thuế	102.027.807	-
Chi phí trồng sắn	214.659.857	190.828.800
Lãi chậm nộp bảo hiểm	1.728.670.945	-
Các khoản khác	151.649.516	247.039.365
Cộng	2.197.008.125	437.868.165

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận trước thuế	2.768.386.384	840.690.864
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(5.870.635.856)	(840.690.864)
Các khoản điều chỉnh tăng	1.830.698.752	-
<i>Phạt chậm nộp thuế</i>	102.027.807	-
<i>Phạt chậm nộp bảo hiểm</i>	1.728.670.945	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(7.701.334.608)	(840.690.864)
<i>Chuyển lỗ</i>	-	(840.690.864)
<i>Cổ tức</i>	(7.701.334.608)	-
Thu nhập chịu thuế	(3.102.249.472)	-
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu</i>	4.899.021	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.899.021	-

6.9 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.763.487.363	840.690.864
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính		
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.763.487.363	840.690.864
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.572.372	18.572.372
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	149	45

Công ty thực hiện tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu căn cứ số cổ phiếu đang lưu hành được quy định trên đăng ký doanh nghiệp. Vốn điều lệ trên đăng ký kinh doanh là khác với số dư vốn góp của chủ sở hữu do trong năm 2016 Công ty thực hiện bàn giao tài sản là hệ thống nhà trẻ, đường giao thông lại cho chính quyền địa phương theo QĐ số 3015/QĐ-UBND ngày 30/09/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên tới thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa nhận được Quyết định về việc giảm vốn Nhà nước sau khi cổ phần hóa.

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.281.216.170	4.954.312.845
Chi phí nhân công	20.379.856.669	16.325.725.863
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.217.638.904	5.980.618.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.249.432.001	4.394.642.388
Chi phí khác bằng tiền	6.434.968.449	2.249.217.646
Cộng	44.563.112.193	33.904.517.076

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 116.046.910.950 đồng.

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 134.087.448.722 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo theo lĩnh vực địa lý***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Bảng cân đối kế toán

	Hoạt động kinh doanh Cao su 31/12/2019 VND	Hoạt động kinh doanh Gỗ 31/12/2019 VND	Hoạt động kinh doanh khác 31/12/2019 VND	Tổng cộng 31/12/2019 VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	563.643.377	12.132.052.118	1.451.215.338	14.146.910.833
Tài sản không phân bổ	-	-	-	230.194.386.254
Tổng tài sản	563.643.377	12.132.052.118	1.451.215.338	244.341.297.087
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	14.989.424.833	2.057.522.743	410.400.000	17.457.347.576
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	71.076.459.699
Tổng nợ phải trả	14.989.424.833	2.057.522.743	410.400.000	88.533.807.275

Tài sản

	01/01/2019 VND	01/01/2019 VND	01/01/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản bộ phận	1.673.175.371	14.020.612.054	42.261.205	15.736.048.630
Tài sản không phân bổ	-	-	-	273.957.506.043
Tổng tài sản	1.673.175.371	14.020.612.054	42.261.205	289.693.554.673

Nợ phải trả

Nợ phải trả bộ phận	13.625.246.830	2.844.553.137	-	16.469.799.967
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	120.179.752.257
Tổng nợ phải trả	13.625.246.830	2.844.553.137	-	136.649.552.224

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Doanh thu	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Tổng cộng
	kinh doanh Cao su VND	kinh doanh Gỗ VND	kinh doanh khác VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	12.642.549.895	19.914.339.755	4.310.019.000	36.866.908.650
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	12.642.549.895	19.914.339.755	4.310.019.000	36.866.908.650
Khấu hao và chi phí phân bổ	22.835.833.633	27.361.751.657	1.861.102.720	52.058.688.010
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(10.193.283.738)	(7.447.411.902)	2.448.916.280	(15.191.779.360)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(10.193.283.738)	(7.447.411.902)	2.448.916.280	(15.191.779.360)
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	7.716.767.734
Lãi (lỗ) khác	-	-	-	15.540.379.225
Chi phí tài chính	-	-	-	5.296.981.215
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	2.768.386.384
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	4.899.021
Lợi nhuận trong năm				2.763.487.363

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Hoạt động kinh doanh Cao su VND	Hoạt động kinh doanh Gỗ VND	Hoạt động kinh doanh khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	11.948.825.200	19.173.356.429	1.114.910.909	32.237.092.538
Tổng Doanh thu	11.948.825.200	19.173.356.429	1.114.910.909	32.237.092.538
Khấu hao và chi phí phân bổ	14.885.516.862	21.443.262.146	2.531.345.879	38.860.124.887
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(2.936.691.662)	(2.269.905.717)	(1.416.434.970)	(6.623.032.349)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.936.691.662)	(2.269.905.717)	(1.416.434.970)	(6.623.032.349)
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	5.418.828.147
Lãi (lỗ) khác	-	-	-	7.502.740.213
Chi phí tài chính	-	-	-	5.457.845.147
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	840.690.864
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm				840.690.864

8.2 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, theo đó Ban giám đốc Công ty theo dõi biến động giá thị trường và thực hiện trích lập dự phòng phù hợp cho phần giảm giá.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Dưới 1 năm (VND)	Trên 1 năm (VND)	Tổng (VND)
Ngày 31/12/2019			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	955.728.443	-	955.728.443
Phải thu khách hàng	1.709.928.994	-	1.709.928.994
Phải thu khác	8.491.591.408	-	8.491.591.408
Đầu tư dài hạn	-	81.840.000.000	81.840.000.000
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	1.289.255.124	-	1.289.255.124
Cộng	9.867.993.721	81.840.000.000	91.707.993.721
Ngày 31/12/2019			
Các khoản vay	45.348.437.058	2.984.706.970	48.333.144.028
Phải trả người bán	13.899.381.700	-	13.899.381.700
Phải trả khác và chi phí phải trả	20.053.743.548	292.000.000	20.345.743.548
Cộng	79.301.562.306	3.276.706.970	82.578.269.276
Chênh lệch thanh khoản thuần	(69.433.568.585)	78.563.293.030	9.129.724.445
Ngày 01/01/2019			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.982.680.538	-	17.982.680.538
Phải thu khách hàng	1.485.486.418	-	1.485.486.418
Phải thu khác	9.257.922.626	-	9.257.922.626
Đầu tư dài hạn	-	81.840.000.000	81.840.000.000
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	835.446.340	-	835.446.340
Cộng	27.890.643.242	81.840.000.000	109.730.643.242
Ngày 01/01/2019			
Phải trả người bán	12.236.375.137	-	12.236.375.137
Phải trả khác và chi phí phải trả	47.421.774.260	292.000.000	47.713.774.260
Các khoản vay	60.314.270.449	6.059.411.351	66.373.681.800
Cộng	119.972.419.846	6.351.411.351	126.323.831.197
Chênh lệch thanh khoản thuần	(92.081.776.604)	75.488.588.649	(16.593.187.955)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	10.201.520.402	10.743.409.044	10.201.520.402	10.743.409.044
<i>Phải thu khác hàng</i>	1.709.928.994	1.485.486.418	1.709.928.994	1.485.486.418
<i>Phải thu khác</i>	8.491.591.408	9.257.922.626	8.491.591.408	9.257.922.626
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	955.728.443	17.982.680.538	955.728.443	17.982.680.538
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	955.728.443	17.982.680.538	955.728.443	17.982.680.538
Tổng cộng	11.157.248.845	28.726.089.582	11.157.248.845	28.726.089.582
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	48.333.144.028	66.373.681.800	48.333.144.028	66.373.681.800
<i>Phải trả người bán</i>	13.899.381.700	12.236.375.137	13.899.381.700	12.236.375.137
<i>Phải trả khác</i>	19.604.915.443	46.880.030.697	19.604.915.443	46.880.030.697
Tổng cộng	81.837.441.171	125.490.087.634	81.837.441.171	125.490.087.634

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi số của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.3 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình

Mối quan hệ
Công ty liên doanh

Các giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua hàng		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	40.266.000	556.373.000
Cổ tức		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	7.701.334.608	5.341.160.000
Số dư với các bên liên quan		
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các khoản phải thu khác		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	5.456.000.000	4.486.250.000
Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát		
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lương và tiền thưởng Ban Giám đốc	1.500.825.600	1.323.315.000
Thù lao Hội đồng quản trị	90.000.000	90.000.000
Thù lao Ban kiểm soát	28.800.000	28.800.000
Cộng	1.619.625.600	1.442.115.000

8.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày lập Báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Quảng Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





Phan Hữu Bằng

Nguyễn Hải Thanh

Phan Văn Thành